

Bản án số: 1033/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 9 năm 2022

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Oánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Ông Đỗ Quang lý

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Trần Mai Hào, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 460/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2022/QĐST-HPT ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1996,

Địa chỉ: Đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đường Đ, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1993,

Địa chỉ: đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] *Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2021, bản tự khai ngày 07/5/2021, Biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/12/2021, bản tự khai ngày 14/3/2022 nguyên đơn bà A trình bày:*

Bà A và ông B tự tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân. Ngày 09/04/2015, được Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 36/2015, quyền số 01/2015 và chung sống cho đến nay.

Từ khi kết hôn vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 12/2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông B ngoại tình, thường xuyên về nhà đánh đập vợ, con. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là từ cuối tháng 02/2020 cho đến nay bà A và ông B đã ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng. Vì trách nhiệm với gia đình, con cái bà đã nhiều lần chấp nhận nhường nhịn, hàn gắn mâu thuẫn để giữ gìn cho con có một gia đình trọn vẹn. Tuy nhiên hôn nhân không thể kéo dài nếu hai bên lạnh nhạt, không còn tình cảm.

Nhận thấy, trình trạng hôn nhân của vợ chồng rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Nay bà A làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên C (nam), sinh ngày 03/07/2016 và D (nam) sinh ngày 09/04/2018 và L (nam) sinh ngày 13/07/2019. Bà A yêu cầu trực tiếp nuôi 3 (ba) con chung.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 14/3/2022, nguyên đơn bà A yêu cầu được nuôi ba con chung nêu trên, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn ông B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2021 về việc “Ly hôn”; Giấy triệu tập, Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vụ án và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Về thẩm quyền thụ lý vụ án đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về tư cách pháp lý của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà A về việc ly hôn; Bà A ly hôn ông B; Về con chung: Giao 03 (ba) con chung tên C (nam), sinh ngày 03/07/2016 và D (nam) sinh ngày 09/04/2018 và L (nam) sinh ngày 13/07/2019 cho bà A nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Án phí buộc bà A phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/2/2021, nguyên đơn bà A yêu cầu ly hôn đối với ông B là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông B có nơi cư trú tại quận T, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà A và ông B kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2015, quyển số 01/2015 ngày 09/4/2015 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh chứng nhận là phù hợp quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Nguyên đơn bà A xác định yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông B với nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông B ngoại tình, thường xuyên về nhà đánh đập vợ, con dẫn đến hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt và vợ chồng bà đã ly thân nhau từ tháng 02/2020 cho đến nay.

Nhận thấy, trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn thì tại văn bản ngày 19/5/2021 của Hội liên hiệp phụ nữ nơi bà A, ông B sinh sống và cư trú xác định: *“Bà A không chung sống với ông B đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Không nắm được vợ chồng bà A và ông B có xảy ra mâu thuẫn hoặc có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”* do đó lời trình bày của bà A về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian ly thân là có cơ sở để chấp nhận.

Hơn nữa, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn ông B đến Tòa án để hòa giải, xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng và không vì sự kiện bất khả kháng là không thể hiện ý chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy ông bà không còn thực hiện nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà A về việc ly hôn đối với ông B là có cơ sở và phù hợp pháp luật theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên C (nam), sinh ngày 03/07/2016 và D (nam) sinh ngày 09/04/2018 và L (nam) sinh ngày 13/07/2019. Bà A yêu cầu trực tiếp nuôi 3 (ba) con.

Nhận thấy, nguyên đơn bà A là người trực tiếp nuôi 03 (ba) con chung tên C (nam), sinh ngày 03/07/2016 và D (nam) sinh ngày 09/04/2018 và L (nam) sinh ngày 13/07/2019, để ổn định tâm sinh lý và căn cứ hoàn cảnh hiện tại của các cháu đang sinh sống; Cùng căn cứ vào mọi quyền lợi về mọi mặt của con chung,

Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên C (nam), D (nam) và L (nam) nêu trên cho bà A nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về nghĩa vụ và phương thức cấp dưỡng: Tại bản tự khai bổ sung ngày 14/3/2022, nguyên đơn bà A xác định không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà A về việc ly hôn; Bà A ly hôn ông B; Về con chung: Giao 03 (ba) con chung tên C (nam), sinh ngày 03/07/2016 và D (nam) sinh ngày 09/04/2018, L (nam) sinh ngày 13/07/2019 cho bà A nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Án phí buộc bà A phải nộp theo quy định là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn bà A phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự;

- Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà A.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà A ly hôn ông B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2015, quyền số 01/2015 ngày 09/4/2015 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực.

2. *Về con chung*: Bà A được quyền trực tiếp nuôi 03 (ba) con chung tên C (nam), sinh ngày 03/07/2016 và D (nam) sinh ngày 09/04/2018 và L (nam) sinh ngày 13/07/2019 và có quyền yêu cầu ông B cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của bà A.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà A cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông B.

Trong trường hợp bà A không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông B hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về nghĩa vụ và phương thức cấp dưỡng*: Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. *Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự*: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Buộc bà A phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0071783 ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà A đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Viện Trưởng viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Oánh